

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN S  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 9 - 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản chung và nợ chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nhung.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thế Chung.

2. Ông Quàng Văn Tiễn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, Sơn La.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:** Ông Dương Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 114/2021/TLST – HNGĐ, ngày 24/6/2022 về việc: Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 03/8/2022 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 21A/2022/QĐST – HNGĐ ngày 19/8/2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Dương Thị P, sinh năm 1980; Địa chỉ: Bản H, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Hoàng Quốc T (tên gọi khác Hoàng Văn T), sinh năm 1980; Địa chỉ: Bản H, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh S. Có người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Việt C – Phó Giám đốc phụ trách điều hành, ủy quyền cho ông Đặng Việt C – Trưởng phòng kinh doanh khách hàng. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17/6/2022 và tại biên bản phiên hòa giải ngày 26/7/2022 nguyên đơn chị Dương Thị P trình bày: Chị và anh Hoàng Quốc T (tên gọi khác Hoàng Văn T) kết hôn với nhau trên cơ sở tự

nguyên vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện S, tỉnh Sơn La. Ngay sau khi kết hôn thì vợ chồng vẫn thường nảy sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau nên vợ chồng rất hay xảy ra cãi vã, tranh chấp, không có tiếng nói chung. Mặc dù đã cố gắng cải thiện tình hình nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không yên ấm được bao lâu. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, không bảo nhau làm ăn chăm lo kinh tế gia đình được. Xét thấy cuộc sống chung không thể hòa hợp, cuộc sống chung không thể tiếp tục, hôn nhân không thể kéo dài, bản thân chị P xét thấy sống trong một gia đình đầy mâu thuẫn và ức chế như vậy sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sức khỏe của tất cả các thành viên trong gia đình, bản thân chị cũng không còn tình cảm với anh T nữa, nên xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Hoàng Văn Lĩnh (sinh ngày 26/5/2004) nay đã đủ 18 tuổi, không bị hạn chế và mất năng lực hành vi dân sự nên không đề nghị Tòa giải quyết, và Hoàng Gia D (sinh ngày 30/8/2019). Nếu ly hôn chị P xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Gia D và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng với mức 1.000.000đ/01 tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi và chị đề nghị anh T thực hiện phương thức cấp dưỡng là một lần và đề nghị được trích tiền cấp dưỡng một lần này từ phần tài sản được chia của anh T để cấp dưỡng cho nuôi con.

Về tài sản chung: gồm có các tài sản sau

- 01 mảnh đất có diện tích khoảng 1.554m<sup>2</sup>, do vợ chồng anh chị mua lại của gia đình ông Lương Văn Bốn (Trú tại: bản H, xã K, huyện S) vào năm 2010. Trên đất có 01 ngôi nhà xây 2 tầng và công trình phụ, trị giá của tài sản này hiện nay khoảng 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất vẫn sử dụng ổn định và không có tranh chấp gì và 01 mảnh đất có diện tích khoảng 270m<sup>2</sup>, do vợ chồng chị mua lại của gia đình ông Lương Văn Khương (Trú tại: bản H, xã K, huyện S) vào năm 2009, trên đất có trồng cây ăn quả; trị giá của tài sản này hiện nay khoảng 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) có số AL 788329 mang tên ông Lương Văn Khương, bà Nguyễn Thị Liễu đã thực hiện chuyển nhượng cho chị P - anh T vào năm 2009, hiện nay diện tích đất này vợ chồng chị đang thực hiện thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh S với số tiền vay còn là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).

- 02 con trâu cái trị giá khoảng 40.000.000đ.

- 02 xe máy cũ trị giá khoảng 10.000.000đ. Đối với 02 chiếc xe máy này chị và anh T đã tự thỏa thuận xong và chia nhau mỗi người sử dụng 01 chiếc, chị không đề nghị Tòa chia phần tài sản này nữa.

Đối với các tài sản chung còn lại chị P đề nghị như sau: 02 con trâu và 02 diện tích đất thì đề nghị Tòa chia cho mỗi người được hưởng một nửa giá trị tài sản. Nếu Tòa giải quyết cho chị được nuôi con chung thì đề nghị Tòa cho chị phần diện tích đất mà trên đất có 01 ngôi nhà xây 2 tầng để chị có điều kiện chăm sóc cho con chung được tốt nhất. Ai được hưởng tài sản phần hơn sẽ trả chênh lệch cho người còn lại bằng tiền.

- Về nợ chung: Có nợ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh S với số tiền vay tính đến thời điểm xét xử còn khoảng 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng) tiền vay gốc và lãi phát sinh, đối với nợ chung này chị P đề nghị mỗi người trả 1 nửa.

\* Quá trình giải quyết vụ án anh T có ý kiến bằng văn bản đề ngày 15/9/2022 cũng như lời trình bày tại phiên tòa và tại phiên hòa giải ngày 26/7/2022 cụ thể như sau:

Anh nhất trí với ý kiến đã trình bày của chị P về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, chị P xin ly hôn anh không nhất trí và có mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nếu chị P vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh cũng tùy theo ý kiến của chị P.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Hoàng Văn Lĩnh (sinh ngày 26/5/2004) nay đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không đề nghị Tòa giải quyết, và Hoàng Gia D (sinh ngày 30/8/2019). Nếu ly hôn anh nhất trí để chị P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Gia D và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con cùng chị P với mức 1.000.000đ/01 tháng, phương thức cấp dưỡng anh T không đề cập cụ thể.

Về tài sản chung, nợ chung: anh nhất trí với ý kiến của chị P về tài sản chung là 02 diện tích đất và 02 con trâu như chị P đã trình bày và vợ chồng anh chị có vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh S với số tiền vay tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là còn khoảng 230.000.000đ, có sử dụng quyền sử dụng đất là 01 diện tích đất đã được Giấy chứng nhận QSDĐ có số AL 788329 mang tên ông Lương Văn Khương để thế chấp. Đối với 02 chiếc xe máy cũ anh chị đã tự chia nhau mỗi người sử dụng 01 chiếc, đối với tài sản này anh không đề nghị Tòa giải quyết.

Anh đề nghị chia tài sản chung như sau: Anh đề nghị đối với toàn bộ tài sản chung của hai vợ chồng sẽ không chia mà thống nhất để lại cho con chung, anh nhất trí để chị P được sinh sống trong ngôi nhà 02 tầng để nuôi con, với điều kiện chị P sau này tái hôn hoặc có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác thì không được đến sinh sống tại đây, đồng thời chị P phải có trách nhiệm trả hết toàn bộ số nợ chung của vợ chồng.

\* Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Anh T và chị P có một khoản vay tại Ngân hàng nông nghiệp

và phát triển nông thôn chi nhánh S và sử dụng quyền sử dụng đất của 01 diện tích đất có GCNQSDĐ số AL 788329 làm tài sản đảm bảo, tổng số nợ tính đến hết ngày 15/9/2022 là 229.000.000đ nợ gốc và lãi là 1.104.219đ, tổng số nợ là 230.104.219đ, thời hạn tất toán hợp đồng vay nợ là ngày 28/8/2025. Tuy nhiên, nay anh T và chị P xin giải quyết ly hôn thì phía Ngân hàng nhất trí với đề nghị của chị P là mỗi người trả một nửa khoản nợ và nếu ai được giao quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất là tài sản đảm bảo cho khoản vay này tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ thế chấp theo đúng như các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong khoản nợ nằm trong phạm vi trách nhiệm của mình.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 26/7/2022 Tòa án nhân dân huyện S đã tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ và thành lập hội đồng định giá tài sản đối với khối tài sản chung là 02 diện tích đất cùng các tài sản trên đất của vợ chồng chị P – anh T và 02 con trâu, kết quả như sau:

(1) 02 con trâu trị giá 20.000.000đ.

(2) 02 xe máy cũ các đương sự đã tự thỏa thuận chia nhau xong nên Tòa không xem xét giải quyết.

(3) 01 diện tích đất thứ nhất và các tài sản trên đất

(3.1) Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Địa chỉ: Bản H, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La. Đất có các tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc giáp đường lô của bản dài 47m

+ Phía Nam giáp đường lô: 33m

+ Phía Tây giáp đất ông Lập: 38m

+ Phía Đông giáp đường lô: 37m

Tổng diện tích đất là  $1.500m^2$ . Trị giá: 52.500.000đ

(3.2) Tài sản trên đất gồm có:

- 01 ngôi nhà 02 tầng, tường xây 110 chịu lực, khung bê tông cốt thép, mái đổ bê tông chống nóng, lợp ngói.

Diện tích  $8,6m \times 11,1m = 95,4m^2 \times 2 \text{ sàn} = 190m^2$  (diện tích xây dựng). Có trị giá 822.203.720đ.

- Phần bán mái tường xây 110, mái lợp Ploximang, nền lát gạch. Diện tích  $7,7m \times 4,3m = 33,1m^2$ . Có trị giá 65.425.658đ.

- 01 lò nong, tường 110, không chát, mái lợp Ploximang, nền láng vữa xi măng. Diện tích:  $10m \times 2m = 20m^2$ . Có trị giá 35.241.000đ.

- Sân bê tông thứ nhất có diện tích  $18m \times 8,5m = 153m^2$ . Có trị giá 33.660.000đ.

- Sân bê tông thứ 2 có diện tích:  $8,7m \times 3,6m = 31,3m^2$ . Có trị giá 6.886.000đ

- Nhãn cho quả từ 01 đến 03 năm: 132 cây. Có trị giá 31.680.000đ.

Tổng trị giá các tài sản trên đất là: 995.096.378đ.

→ Tổng giá trị đất và tài sản trên đất: 1.047.596.378đ

(4) 01 diện tích đất thứ hai và các tài sản trên đất

(4.1) Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL788329 do UBND huyện S cấp ngày 28/8/2010. Địa chỉ: Bản H, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La

Đất có các tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc giáp đường lô của bản dài 36,6m

+ Phía Nam giáp đường lô: 31,0m

+ Phía Tây giáp đường lô: 35m

+ Phía Đông giáp đất ông Lập: 39m

Tổng diện tích đất là 1250,6m<sup>2</sup>, trong đó có 400m<sup>2</sup> đất ở nông thôn. Có trị giá 89.771.000đ.

(4.2) Tài sản trên đất:

- Nhãn cho quả 03 - 05 năm: 15 cây. Có trị giá 7.200.000đ.

- Nhãn cho quả 01 – 03 năm: 42 cây. Có trị giá 10.080.000đ.

- Vải cho quả 01 - 03 năm: 01 cây. Có trị giá 240.000đ.

- Bưởi cho quả 01 – 03 năm: 05 cây. Có trị giá 1.225.000đ.

- Bưởi chưa cho quả trồng trên 04 năm: 05 cây. Có trị giá 260.000đ.

→ Tổng trị giá đất và tài sản trên đất là: 108.776.000đ

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quá trình kiểm sát việc thụ lý giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Tòa án huyện S tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân và về con chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Dương Thị P, xử cho Dương Thị P được ly hôn anh Hoàng Quốc T. Giao cho chị Dương Thị P được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Hoàng Gia D (sinh ngày 30/8/2019), anh Hoàng Quốc T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị P là 1.000.000đ/01 tháng, chấp nhận đề nghị của chị P yêu cầu anh T thực hiện trợ cấp một lần; đối với con chung là Hoàng Văn Lĩnh (sinh ngày

26/5/2004) đã đủ 18 tuổi và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không giải quyết.

+ Về nợ chung: đối với số nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh S buộc anh T và chị P mỗi người phải có trách nhiệm trả một nửa tương ứng với số tiền còn nợ tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

+ Về tài sản chung:

(1) Giao cho chị P được sở hữu 02 con trâu có giá trị 20.000.000đ và được quyền quản lý và sử dụng 01 diện tích đất và các tài sản trên đất là 01 ngôi nhà xây 2 tầng, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có địa chỉ tại bản H, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La. Tổng giá trị tài sản là 1.067.596.378đ.

(2) Giao cho anh Hoàng Quốc T được quyền quản lý và sử dụng 01 diện tích đất và các tài sản trên đất, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Có tổng giá trị là 108.776.000đ.

Chị P phải có trách nhiệm trả cho anh T phần chênh lệch giá trị chia tài sản chung.

+ Buộc chị Dương Thị P phải chịu án phí xin ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm có giá gạch đối với phần tài sản chung được chia và nợ chung phải trả. Buộc anh Hoàng Quốc T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định và án phí dân sự sơ thẩm có giá gạch đối với phần tài sản chung được chia và nợ chung phải trả.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S và các đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền, tố tụng: Vụ án theo đơn khởi kiện xin ly hôn chị Dương Thị P được Tòa án thụ lý và giải quyết là theo đúng quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị P và anh Hoàng Quốc T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện S vào ngày 28/10/2000 là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị P và anh T đã kéo dài, cuộc sống chung không hạnh phúc và bất đồng quan điểm sống, chị P và anh T đã sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Mặc dù anh T không nhất trí ly hôn với yêu cầu xin ly hôn của chị P nhưng anh cũng xác định nếu chị P cương quyết xin ly hôn thì anh cũng tùy theo quan điểm của chị P, tuy anh T có mong muốn được

hàn gắn nhưng chị P vẫn không nhất trí và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn vì không còn tình cảm gì với anh T nữa. Xét mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân một thời gian, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị P ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị P và anh T đều thống nhất hai vợ chồng đã tạo lập được một số khối tài sản chung và đề nghị Tòa giải quyết khi ly hôn, Tòa án đã tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với các tài sản theo yêu cầu của đương sự, kết quả các tài sản chung có như sau:

[3.1] 02 con trâu trị giá 20.000.000đ.

[3.2] 01 diện tích đất và các tài sản trên đất.

Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Địa chỉ: Bản H, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La. Tổng diện tích đất là 1.500m<sup>2</sup>. Trị giá: 52.500.000đ

Tài sản trên đất gồm có:

- 01 ngôi nhà 02 tầng, tường xây 110 chịu lực, khung bê tông cốt thép, mái đổ bê tông chống nóng, lợp ngói. Diện tích 8,6m x 11,1m = 95,4m<sup>2</sup> x 2 sàn = 190m<sup>2</sup> (diện tích xây dựng). Có trị giá 822.203.720đ.

- Phần bán mái tường xây 110, mái lợp Ploximang, nền lát gạch. Diện tích 7,7m x 4,3m = 33,1m<sup>2</sup>. Có trị giá 65.425.658đ.

- 01 lò nong, tường 110, không chát, mái lợp Ploximang, nền láng vữa xi măng. Diện tích: 10m x 2m = 20m<sup>2</sup>. Có trị giá 35.241.000đ.

- Sân bê tông thứ nhất có diện tích 18m x 8,5m = 153m<sup>2</sup>. Có trị giá 33.660.000đ.

- Sân bê tông thứ 2 có diện tích: 8,7m x 3,6m = 31,3m<sup>2</sup>. Có trị giá 6.886.000đ.

- Nhân cho quả từ 1 đến 3 năm: 132 cây. Có trị giá 31.680.000đ.

(Có sơ đồ kèm theo)

\* Tổng giá trị đất và tài sản trên đất: 1.047.596.378đ

[3.3] 01 diện tích đất và các tài sản trên đất.

Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL788329 do UBND huyện S cấp ngày 28/8/2010. Địa chỉ: Bản H, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La. Tổng diện tích đất là 1250,6m<sup>2</sup>, trong đó có 400m<sup>2</sup> đất ở nông thôn. Có trị giá 89.771.000đ.

Tài sản trên đất:

- Nhân cho quả 03- 05 năm: 15 cây. Có trị giá 7.200.000đ.

- Nhân cho quả 01 – 03 năm: 42 cây. Có trị giá 10.080.000đ.

- Vải cho quả 01- 03 năm: 01 cây. Có trị giá 240.000đ.
- Bưởi cho quả 01 – 03 năm: 05 cây. Có trị giá 1.225.000đ.
- Bưởi chưa cho quả trồng trên 04 năm: 05 cây. Có trị giá 260.000đ.

(Có sơ đồ kèm theo)

\* Tổng trị giá đất và tài sản trên đất là: 108.776.000đ.

Tại phiên tòa anh T có đề nghị tất cả số tài sản chung bao gồm các diện tích đất và tài sản trên đất cùng 02 con trâu sẽ không chia mà cả anh và chị P sẽ để lại tất cả cho hai con chung, anh cho chị P được quản lý tất cả các tài sản chung và cho phép chị P ở lại trong ngôi nhà xây hai tầng để nuôi con chung của anh chị với điều kiện chị P sau khi ly hôn mà tái hôn hoặc có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác thì không được sử dụng các tài sản này, tuy nhiên chị P không nhất trí và đề nghị Tòa chia tài sản chung cho chị và anh T mỗi người được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung vì kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay các con chung đều đang do chị trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, một phần tài sản chung của vợ chồng là do công sức của chị tạo lập lên mà có.

HĐXX nhận thấy với yêu cầu của anh T về tài sản chung như vậy là không phù hợp với quy định của pháp luật về chế độ tài sản chung của vợ chồng, quyền được sở hữu, định đoạt tài sản của cá nhân theo quy định của Pháp luật dân sự, không đảm bảo được quyền lợi chính đáng của chị P khi giải quyết ly hôn. Do vậy, HĐXX chấp nhận đề nghị của chị P, giải quyết việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn là đảm bảo theo quy định tại Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chia cho chị P và anh T mỗi người một nửa giá trị tài sản chung, chia bằng hiện vật và người được nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị nhiều hơn sẽ trả cho người còn lại phần chênh lệch giá trị tài sản mình được hưởng.

Chị P có nguyện vọng được Tòa giao quyền quản lý, sử dụng 02 con trâu cùng phần diện tích đất và tài sản trên đất được đề cập tại mục [3.2] của Bản án này, vì phần tài sản trên đất có 01 ngôi nhà 02 tầng, chị có nguyện vọng được sử dụng để cùng các con chung sinh sống, cho các con chung có cuộc sống ổn định và điều kiện để các con được chăm lo tốt nhất, xét nguyện vọng này của chị P là phù hợp và đảm bảo được quyền, lợi ích của con chưa thành niên. Vì vậy:

\* Giao cho chị P được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt các tài sản chung như sau:

(1) 01 diện tích đất và các tài sản trên đất. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Địa chỉ: Bản H, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La. Tổng diện tích đất là 1.500m<sup>2</sup>. Trị giá: 52.500.000đ

Tài sản trên đất gồm có:



- 01 ngôi nhà 02 tầng, tường xây 110 chịu lực, khung bê tông cốt thép, mái đổ bê tông chống nóng, lợp ngói; có diện tích xây dựng là 190m<sup>2</sup>. Trị giá 822.203.720đ.

- Phần bán mái tường xây 110, mái lợp Ploximang, nền lát gạch; diện tích 33,1m<sup>2</sup>. Trị giá 65.425.658đ.

- 01 lò nong, tường 110, không chát, mái lợp Ploximang, nền láng vữa xi măng; diện tích 20m<sup>2</sup>. Trị giá 35.241.000đ.

- 01 Sân bê tông phía trước của ngôi nhà xây 02 tầng; có diện tích 153m<sup>2</sup>. Trị giá 33.660.000đ.

- Sân bê tông thứ 2 ở bên cạnh ngôi nhà xây 02 tầng, có diện tích 31,3m<sup>2</sup>. Trị giá 6.886.000đ.

- Nhãn cho quả từ 1 đến 3 năm: 132 cây. Trị giá 31.680.000đ.

(2) 02 con trâu có trị giá 20.000.000đ

Tổng giá trị các tài sản được giao cho chị P có giá trị là 1.067.596.378đ (Một tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng).

\* Giao cho anh T được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt các tài sản chung như sau:

- 01 diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL788329 do UBND huyện S cấp ngày 28/8/2010. Địa chỉ: Bản H, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La. Tổng diện tích đất là 1250,6m<sup>2</sup>, trong đó có 400m<sup>2</sup> đất ở nông thôn. Có trị giá 89.771.000đ.

- Tài sản trên đất gồm có:

- Nhãn cho quả 3- 5 năm: 15 cây. Có trị giá 7.200.000đ.

- Nhãn cho quả 1 – 3 năm: 42 cây. Có trị giá 10.080.000đ.

- Vải cho quả 1- 3 năm: 01 cây. Có trị giá 240.000đ.

- Bưởi cho quả 1 – 3 năm: 05 cây. Có trị giá 1.225.000đ.

- Bưởi chưa cho quả trồng trên 04 năm: 05 cây. Có trị giá 260.000đ.

\* Tổng giá trị các tài sản được giao cho anh T có giá trị là: 108.776.000đ (một trăm linh tám triệu bảy trăm bảy mươi sáu đồng).

Như vậy, tổng các tài sản chung của chị P và anh T có giá trị là: 1.176.372.378đ, chia cho mỗi người được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung bằng 588.186.189đ. Do chị P chia phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần giá trị được hưởng nên phải trả tiền chênh lệch tài sản cho anh T là 479.410.189đ.

[4] Về nợ chung:

Chị P và anh T đều thừa nhận có nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng NN & PTNNT S) số tiền tính đến hết ngày 15/9/2022 còn nợ số tiền vay gốc là 229.000.000đ và lãi phát sinh là 1.104.219đ. Tổng số tiền nợ là 230.104.219đ là phù hợp với lời khai của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng NN & PTNNT S tại phiên tòa. Tuy nhiên, anh T đề nghị chị P phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ này là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, đây là số tiền vay nợ do anh T thực hiện việc vay mượn và ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng NN & PTNNT S và được xác định là nợ chung của vợ chồng nên cả hai vợ chồng phải cùng nhau có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng; việc buộc anh T và chị P mỗi người có trách nhiệm trả một  $\frac{1}{2}$  số tiền nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Như vậy, tính đến hết ngày 15/9/2022 chị P và anh T có trách nhiệm mỗi người phải trả cho Ngân hàng NN & PTNNT S số tiền nợ bao gồm cả gốc và lãi là: 115.052.110đ (Một trăm mười lăm triệu không trăm năm mươi hai nghìn một trăm mười đồng).

Vì đây là khoản vay của vợ chồng với tổ chức tín dụng được sử dụng việc thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất làm biện pháp bảo đảm, bên cạnh đó hợp đồng tín dụng này chưa đến thời hạn tất toán nên các bên vẫn đang trong quá trình thực hiện hợp đồng. Do vậy, các bên vẫn phải tuân thủ các điều khoản đã cam kết về việc thực hiện nghĩa vụ, tính lãi suất cho vay trong hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp với quy định tại các Điều 292, 299, 300, 301, 302, 303, 307, 317, 318, 323, 325 và Điều 500 của Bộ luật dân sự; các điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng.

Vì vậy, kể từ ngày 16/9/2022 chị P, anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán tương ứng với phần trách nhiệm phải trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp anh Hoàng Quốc T không thanh toán đủ số tiền nợ (nợ gốc + lãi) tương ứng với số tiền có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng NN & PTNNT S theo từng thời kỳ phải thanh toán như nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7907-LVA-202002021 ngày 16/10/2020 với Ngân hàng thì Ngân hàng NN & PTNNT S có quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo sau đây để bán đấu giá thanh toán cho khoản nợ của anh T: 01 quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có địa chỉ tại bản H, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số AL 788329 mang tên ông Lương Văn Khương đã thực hiện chuyển nhượng cho chị Dương Thị P và anh Hoàng Quốc T.

Trong trường hợp chị Dương Thị P không thanh toán đủ số tiền nợ (nợ gốc + lãi) tương ứng với số tiền có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng NN & PTNNT S theo đúng từng thời kỳ phải thanh toán theo như nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7907-LVA-202002021 ngày 16/10/2020 với Ngân hàng thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh S có quyền Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Sơn La cưỡng chế thi hành án đối với chị P.

[5] Về con chung: Trong quá trình chung sống Chị P và anh T đều thừa nhận có hai con chung là Hoàng Gia D (sinh ngày 30/8/2019) và Hoàng Văn Lĩnh (sinh ngày 26/5/2004) đã đủ 18 tuổi và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Chị P có đề nghị được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng Hoàng Gia D và đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con cùng với mức 1.000.000đ/ 01 tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng là một lần, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2022, anh T cũng nhất trí với đề nghị được nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con này của chị P, do vậy cần giao cháu Hoàng Gia D cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng và anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị P; về phương thức cấp dưỡng xét thấy chị P có đề nghị anh T thực hiện phương thức cấp dưỡng nuôi con là 01 lần và có yêu cầu khi vợ chồng ly hôn trích từ phần tài sản được chia của anh T để thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 01 lần này, anh T không có ý kiến cụ thể do vậy HĐXX chấp nhận đề nghị này của chị P buộc anh T phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung là Hoàng Gia D 01 lần là 179 tháng x 1.000.000đ/ tháng = 179.000.000đ, là phù hợp với điều 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thực hiện phương thức cấp dưỡng một lần và thực hiện trích vào phần tài sản được chia của anh T khi ly hôn. Do chị P phải trả tiền chênh lệch chia tài sản chung cho anh T là 479.410.189đ nên khấu trừ vào tiền thực hiện cấp dưỡng một lần cho con chung Hoàng Gia D là 179.000.000đ, chị P còn phải trả cho anh T tiền chia chênh lệch tài sản là 300.410.189đ, là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 70/2001/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2001 Về quy định chi tiết thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với con chung của anh chị là Hoàng Văn Lĩnh (sinh ngày 26/5/2004) đã đủ 18 tuổi và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc chị Dương Thị P phải chịu án phí xin ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tài sản chung được chia và nợ chung phải trả. Buộc anh Hoàng Quốc T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tài sản chung được chia và nợ chung phải trả.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 292, 299, 300, 301, 302, 303, 307, 317, 318, 323, 325 và Điều 500 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 59; Điều 60; Các điều 28, 29, 30, 33, 35, 37; các Điều 81, 82, 83, 84; các Điều 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ điểm a, b, e khoản 5, điểm a khoản 6 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị Dương Thị P đối với anh Hoàng Quốc T: Xử cho chị Dương Thị P được ly hôn anh Hoàng Quốc T (tên gọi khác Hoàng Văn T).**

**2. Về con chung:** Giao con chung là Hoàng Gia D - sinh ngày 30/8/2019 cho chị Dương Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Quốc T cấp dưỡng nuôi con chung là Hoàng Gia D cùng chị Dương Thị P với mức 1.00.000đ/01 tháng cho đến khi cháu Hoàng Gia D đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10 năm 2022, phương thức 01 lần, tổng số tiền cấp dưỡng là 179.000.000đ.

Đối với con chung là Hoàng Văn Lĩnh - sinh ngày 26/5/2004 đã đủ 18 tuổi và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng.

Anh Hoàng Quốc T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản; không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

**3. Về tài sản chung:**

**3.1** Giao cho chị Dương Thị P được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản sau:

\* 02 con trâu trị giá 20.000.000đ.

\* 01 diện tích đất và các tài sản trên đất, cụ thể:

Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Địa chỉ: Bản H, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La. Đất có các tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc giáp đường lô của bản dài 47m

+ Phía Nam giáp đường lô: 33m

+ Phía Tây giáp đất ông Lập: 38m

+ Phía Đông giáp đường lô: 37m

Tổng diện tích đất là  $1.500\text{m}^2$ . Trị giá: 52.500.000đ

Tài sản trên đất gồm có:

- 01 ngôi nhà 02 tầng, tường xây 110 chịu lực, khung bê tông cốt thép, mái đổ bê tông chống nóng, lợp ngói. Diện tích  $8,6\text{m} \times 11,1\text{m} = 95,4\text{m}^2 \times 2$  sàn =  $190\text{m}^2$  (diện tích xây dựng). Có trị giá 822.203.720đ.

- Phần bán mái tường xây 110, mái lợp Ploximang, nền lát gạch. Diện tích  $7,7\text{m} \times 4,3\text{m} = 33,1\text{m}^2$ . Có trị giá 65.425.658đ.

- 01 lò nong, tường 110, không çat, mái lợp Ploximang, nền láng vữa xi măng. Diện tích:  $10\text{m} \times 2\text{m} = 20\text{m}^2$ . Có trị giá 35.241.000đ.

- Sân bê tông thứ nhất có diện tích  $18\text{m} \times 8,5\text{m} = 153\text{m}^2$ . Có trị giá 33.660.000đ.

- Sân bê tông thứ 2 có diện tích  $8,7\text{m} \times 3,6\text{m} = 31,3\text{m}^2$ . Có trị giá 6.886.000đ.

- Nhãn cho quả từ 1 đến 3 năm: 132 cây. Có trị giá 31.680.000đ.

(Có sơ đồ kèm theo)

\* Tổng giá trị các tài sản được giao cho chị Dương Thị P sở hữu, quản lý, sử dụng có giá trị là: 1.067.596.378đ (Một tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng).

Chị Dương Thị P có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định.

**3.2** Giao cho anh Hoàng Quốc T được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản sau:

01 diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL788329 do UBND huyện S cấp ngày 28/8/2010. Địa chỉ: Bản H, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La. Đất có các tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc giáp đường lô của bản dài 36,6m

+ Phía Nam giáp đường lô: 31,0m

+ Phía Tây giáp đường lô: 35m

+ Phía Đông giáp đất ông Lập: 39m

Tổng diện tích đất là  $1250,6\text{m}^2$ , trong đó có  $400\text{m}^2$  đất ở nông thôn. Có trị giá 89.771.000đ.

Tài sản trên đất gồm có:

- Nhãn cho quả 3- 5 năm: 15 cây. Có trị giá 7.200.000đ.

- Nhãn cho quả 1 – 3 năm: 42 cây. Có trị giá 10.080.000đ.
- Vải cho quả 1- 3 năm: 01 cây. Có trị giá 240.000đ.
- Bưởi cho quả 1 – 3 năm: 05 cây. Có trị giá 1.225.000đ.
- Bưởi chưa cho quả trồng trên 04 năm: 05 cây. Có trị giá 260.000đ.

*(Có sơ đồ kèm theo)*

\* Tổng giá trị các tài sản được giao cho anh Hoàng Quốc T sở hữu, quản lý, sử dụng có giá trị là: 108.776.000đ *(Một trăm linh tám triệu bảy trăm bảy mươi sáu đồng)*.

Anh Hoàng Quốc T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định.

#### 4. Về nghĩa vụ trả tiền chênh lệch tài sản chung:

Chị Dương Thị P phải trả tiền chênh lệch chia tài sản chung cho anh Hoàng Quốc T là 479.410.189đ *(Bốn trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm mười nghìn một trăm tám mươi chín đồng)* được khấu trừ vào tiền thực hiện cấp dưỡng một lần cho con chung Hoàng Gia D là 179.000.000đ *(một trăm bảy mươi chín triệu đồng chẵn)*, chị P còn phải trả cho anh T tiền chia chênh lệch tài sản là 300.410.189đ *(Ba trăm triệu bốn trăm mười nghìn một trăm tám mươi chín đồng)*.

#### 5. Về nợ chung:

Buộc chị Dương Thị P phải trả cho Ngân hàng NN & PTNNT S số tiền nợ (bao gồm gốc + lãi) tính đến hết ngày 15/9/2022 là: 115.052.110đ *(Một trăm mười lăm triệu không trăm năm mươi hai nghìn một trăm mười đồng)*.

Buộc anh Hoàng Quốc T phải trả cho Ngân hàng NN & PTNNT S số tiền nợ (bao gồm gốc + lãi) tính đến hết ngày 15/9/2022 là: 115.052.110đ *(Một trăm mười lăm triệu không trăm năm mươi hai nghìn một trăm mười đồng)*.

Kể từ ngày 16/9/2022 chị P, anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán tương ứng với phần trách nhiệm phải trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp anh Hoàng Quốc T không thanh toán đủ số tiền nợ (nợ gốc + lãi) tương ứng với số tiền có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng NN & PTNNT S theo từng thời kỳ phải thanh toán như nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7907-LVA-202002021 ngày 16/10/2020 với Ngân hàng thì Ngân hàng NN & PTNNT S có quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo sau đây

để bán đấu giá thanh toán cho khoản nợ của anh T: 01 quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có địa chỉ tại bản H, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số AL 788329 mang tên ông Lương Văn Khương đã thực hiện chuyển nhượng cho chị Dương Thị P và anh Hoàng Quốc T.

Trong trường hợp chị Dương Thị P không thanh toán đủ số tiền nợ (nợ gốc + lãi) tương ứng với số tiền có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng NN & PTNNT S theo đúng từng thời kỳ phải thanh toán theo như nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7907-LVA-202002021 ngày 16/10/2020 với Ngân hàng thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh S có quyền Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Sơn La cưỡng chế thi hành án đối với chị P.

*Kể từ ngày bên có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án (tiền cấp dưỡng) thì bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại các Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.*

#### **6. Về án phí:**

Chị Dương Thị P phải chịu án phí xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), án phí chia tài sản chung là 29.409.309đ (Hai mươi chín triệu bốn trăm linh chín nghìn ba trăm linh chín đồng), án phí chia nợ chung là 5.752.606đ (Năm triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm linh sáu đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.300.000đ (mười một triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0001706 ngày 24/6/2022, chị P còn phải nộp tiếp là: 24.161.915đ (Hai mươi tư triệu một trăm mười sáu nghìn chín trăm mười lăm đồng).

Anh Hoàng Quốc T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), án phí chia tài sản chung là 29.409.309đ (Hai mươi chín triệu bốn trăm linh chín nghìn ba trăm linh chín đồng), án phí chia nợ chung là 5.752.606đ (Năm triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm linh sáu đồng).

**7. Về quyền kháng cáo:** Chị Dương Thị P, Anh Hoàng Quốc T, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/9/2022).

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Quàng Văn Tiệp**

**Nguyễn Thế Chung**

**Hoàng Thị Nhung**

**Nơi nhận:**

- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện S;
- THADS huyện S;
- Các đương sự;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Nhung**